

# BƠ TRANG LÔNG VÀ CUỘC KHÁNG CHIẾN CỦA NGHĨA QUÂN MNÔNG -XTIÊNG

(1912-1936) (\*)

NGUYỄN HỮU THẮU - AMA TRINH

**C**uộc kháng chiến chống thực dân Pháp từ 1912 đến 1936 của dân tộc Mnông hai nước Việt Nam và Campuchia do Bơ Trang Lông lãnh đạo đã được xem là tiêu biểu cho truyền thống đoàn kết, bất khuất của các dân tộc miền Sơn nguyên Nam Đông Dương. Với tinh thần liên tục tiến công, với những chiến thắng oanh liệt, Bơ Trang Lông không chỉ giải phóng được Cao nguyên Mnông, quê hương dân tộc ông trong một thời gian dài; ông đồng thời cũng đã trở thành ngọn cờ chống Pháp chung của các dân tộc miền Sơn nguyên Nam Đông Dương trong phần tư thế kỷ.

Năm 1964, nhằm phát huy truyền thống của phong trào này trong cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược miền Nam nước ta, Đảng và Nhà nước ta đã tổ chức kỷ niệm trọng thể chiến thắng Bu Nor - Bu Mera, trận đánh quan trọng nhất của Bơ Trang Lông tại thủ đô Hà Nội. Nhân dịp này, Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 69, 1964 công bố một tài liệu sơ lược giới thiệu phong trào, tuy không tránh khỏi những thiếu sót và sai lầm do nguồn tư liệu bị hạn chế, nhưng là tài liệu đầu tiên đã dựng lại phong trào một cách tương đối có hệ thống(1).

Sau khi đất nước được hoàn toàn giải phóng, Tiểu ban nghiên cứu lịch sử Đảng Tỉnh ủy Đak Lăk đã tiến hành nhiều cuộc điều tra sưu tầm tư liệu trên cả hai hướng điền dã và thư tịch, nhằm bổ sung và xác minh tài liệu cho việc dựng lại các sự kiện trên cơ sở đáng tin cậy hơn. Bài viết này được xây dựng, chính là nhờ các kết quả điều tra

sưu tầm đó.

So với những tài liệu đã được một số tác giả nói đến trước đây, ở bài viết này, trước hết xin được lưu ý như sau: Tên của vị thủ lĩnh phong trào nay đã được xác minh là BƠ TRANG LÔNG, như sẽ được trình bày rõ dưới đây. Tên Ntrang Lông như đã được nói tới từ lâu nay là không đúng. Vì lòng tôn kính vị anh hùng dân tộc cũng như vì đòi hỏi của nghiên cứu sử, đề nghị từ nay, nên dùng tên mới xác minh được nói trên làm tên gọi chính thức của vị thủ lĩnh.

Phong trào Bơ Trang Lông là một phong trào chống Pháp xâm lược của người Mnông hai nước Việt Nam, Campuchia, nổ ra năm 1911-1912, kéo dài cho đến 1936. Địa bàn của nó bao gồm toàn bộ Cao nguyên Mnông từ trung lưu sông Đông Nai ở phía đông và trung lưu sông Xrê Pôk ở phía bắc cho đến bờ sông Mê Kông ở phía tây. Phong trào đó, trong suốt thời gian bùng nổ, đã có ảnh hưởng sâu rộng khắp miền Sơn nguyên Nam Đông Dương(2), cổ vũ các dân tộc trong miền cùng đứng lên chống Pháp, đặc biệt đã lôi cuốn cộng đồng dân tộc anh em sống trên cùng địa bàn là người Xtiêng vào cuộc đấu tranh trong suốt phần tư thế kỷ, cùng nhau làm nên những chiến công oanh liệt.

Rõ ràng đây là một phong trào nằm trong mặt trận đấu tranh chung của hai dân tộc Việt Nam - Campuchia trong thời kỳ lịch sử cận hiện đại chống thực dân Pháp xâm lược, giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho quê hương ở mỗi nước. Vì vậy, muốn đánh giá đúng đắn phong trào, không thể không đặt

nó vào bối cảnh lịch sử chung của hai nước trong những năm cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX; mặt khác, không thể không nắm vững đặc điểm tình hình Cao nguyên Mnông trong thời kỳ đó.

### I. Vài nét về Cao nguyên Mnông cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX.

Cao nguyên Mnông qua thư tịch của Pháp trước kia thường gọi là Cao nguyên Trung tâm Nam Đông Dương, hay gọn hơn là Cao nguyên Trung tâm. Được gọi là "trung tâm", vì đây là một cao nguyên có vị trí đặc biệt nằm vắt lên cả ba xứ Trung Kỳ, Nam Kỳ và Cao-Miên, nơi có cái gọi là "Ngã ba biên giới" giữa ba xứ.

Là một cao nguyên thuộc khối Sơn nguyên Nam Đông Dương, nằm ở góc tây nam khối sơn nguyên này, Cao nguyên Mnông có diện tích khoảng 1 vạn km<sup>2</sup>, trải dài trên 100km đông - tây và 150km bắc - nam, phía bắc và phía nam giáp với các cao nguyên Đak Lăk, Lâm Viên và Bảo Lộc (Cao nguyên Mạ); phía nam và phía tây đổ xuống thành các vùng đất cao Đông Nam Bộ Việt Nam và Đông Campuchia.

Địa thế Cao nguyên Mnông nhìn chung như một mái nhà. Nhiều nhà địa lý gọi đây là cái "mái nhà của Cực Nam Đông Dương". Đường nóc là một cao nguyên dài và hẹp, người Mnông gọi là *Yôk Laich*, có nghĩa là "Cao nguyên Đồi Cỏ", rộng khoảng 6000km<sup>2</sup>, độ cao trung bình 800m. Từ Cao nguyên Đồi Cỏ này, đổ xuống bốn phía là những sườn dốc với những mạng lưới suối sông dày đặc, ở phía bắc và phía tây chảy xuống các sông Xrê Pôk, Prêk Tê và Prêk Chlong đổ ra sông Mêkong, ở phía đông và phía nam chảy xuống các sông Đồng Nai, Sông Bé để đổ ra Biển Đông. Cao nguyên Mnông, vì vậy, có địa hình rất chia cắt, hiểm trở, giao lưu nội địa khó khăn. Để giao lưu với bên ngoài, chỉ có một con đường mòn tây - đông trên đất Campuchia, từ Kroché đến vùng biên giới với Đak Lăk có thể đi xe bò được trong mùa khô, và một con đường mòn bắc - nam trên đất Việt Nam, men theo đường phân thủy giữa hai sông Đồng Nai và Sông Bé để đi xuống

vùng châu thổ Đông Nam Bộ Việt Nam.

Về kinh tế, Cao nguyên Mnông đã được thực dân Pháp, khi chúng mới xâm lược Nam Kỳ và Cao-Miên, đánh giá là có nhiều triển vọng lớn: triển vọng phát triển nông nghiệp, nhất là phát triển trồng cây công nghiệp và phát triển chăn nuôi; triển vọng khai thác các nguồn nước để phục vụ sinh hoạt, phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp ở Nam Kỳ và Cao-Miên; và cả triển vọng khai thác khoáng sản. Trên thực tế, cao nguyên Mnông có khá nhiều tài nguyên thiên nhiên. Phần Cao nguyên thuộc Campuchia tuy thiếu đất nông nghiệp, nhưng có nhiều rừng thưa giàu gỗ quý có giá trị kinh tế cao, ngoài ra còn có trâu bò rừng và voi là những thú săn có giá trị. Phần Cao nguyên thuộc Việt Nam được thiên nhiên ưu đãi hơn, có nhiều diện tích đất đỏ và rừng già với nhiều lâm thổ sản quý, những nguồn thủy năng dồi dào, và những khoáng sản có giá trị, nhất là bô-xit.

Từ lâu đời, Cao nguyên Mnông đã là quê hương của hai dân tộc Mnông và Xtiêng. Những tài liệu điều tra khoa học hồi đầu thế kỷ cho thấy đây là hai cư dân duy nhất có trên cao nguyên này cho đến hồi bấy giờ. Mỗi dân tộc chia thành nhiều nhóm khác nhau, mỗi nhóm có một địa vực cư trú riêng. Người Xtiêng phân thành hai nhóm: nhóm Bulo phân bố trên miền lưng chừng sườn phía nam Cao nguyên và nhóm Budeh phân bố trên miền đất cao kế cận thuộc Đông Nam Kỳ. Còn người Mnông thì phân bố trên phần còn lại của Cao nguyên, gồm các nhóm Biêt, Buner và Rohong trên đất Campuchia, và các nhóm Nông, Preh, Prăng, thêm vào đó một số người Rohong trên đất Việt Nam. Dân số chung trên Cao nguyên hồi đầu thế kỷ bao nhiêu không rõ. Chỉ biết rằng hồi bấy giờ, dân cư ở đây rất thưa thớt, buôn làng rải rác và quy mô nhỏ ở người Mnông, nhiều nơi chỉ vài ba nhà mỗi làng. Dân số mỗi làng chỉ 5 hoặc 6 chục người. Những làng trên các miền đất đỏ có đông đúc hơn, nhưng cũng chỉ ngoài 100 nhân khẩu mỗi làng.

Ngoài cao nguyên Mnông, người Mnông còn phân bố ở cao nguyên Đak Lăk. Theo các tài liệu điều tra dân số thì đầu thế kỷ XX,

năm 1906, người Mnông có dân số chung khoảng 20.000 nhân khẩu. Đến 1979, có 40.496 nhân khẩu. Và năm 1989 có 50.332 nhân khẩu. Đồng bào sống tập trung trong các huyện Lăk, Krông Bông, Krông Ana, gồm các nhóm Gar, Chill, Rlăm, Kuênh, Prâng, Preh, Nông... Căn cứ tỷ số phát triển dân số chung của Đak Lăk hơn nửa thế kỷ qua, có thể giả đoán dân số Cao nguyên Mnông đầu thế kỷ có khoảng 15.000 người.

Người Mnông và Xtiêng không chỉ là 2 dân tộc láng giềng gần gũi, mà còn là 2 dân tộc anh em có quan hệ nguồn gốc lịch sử chung, cho đến thời kỳ Pháp thuộc vẫn ở cùng một thang bậc phát triển kinh tế - xã hội.

Như các dân tộc khác trên toàn miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, Mnông và Xtiêng là những dân tộc có tinh thần độc lập, tự do, có truyền thống bất khuất chống xâm lược. Đặc điểm lịch sử của họ là từ những thế kỷ xa xưa cho đến thời kỳ cận đại, họ thuộc số ít dân tộc đã luôn gìn giữ được cuộc sống độc lập - tự do trên Cao nguyên quê hương họ. Từ mù xa của lịch sử, tổ tiên người Mnông và Xtiêng đã chưa bao giờ chấp nhận bất cứ một ách thống trị nào, mặc dù là họ vẫn sống sát nách những vương quốc cổ đại hùng mạnh.

Cho đến thập kỷ đầu thế kỷ XX, khi thực dân Pháp đã chính thức tiến quân xâm lược Cao nguyên, các dân tộc Mnông và Xtiêng vẫn chưa cho phép chúng có lấy một chỗ đứng chân nào trên Sơn nguyên bất khuất này.

## II. Những tư liệu mới về thân thế thủ lĩnh Bơ Trang Lơng.

Qua xác minh điền dã, đã biết chắc được vị thủ lĩnh húy là Lơng, ông không có tên họ, cũng không có tên lót. Ở dân tộc ông, một dân tộc còn ít nhiều tàn dư mẫu hệ, cách tính nguồn gốc tuy nhiên không còn theo phía mẹ, nhưng cách tính dòng họ theo phía cha cũng chưa xuất hiện. Vì vậy, mỗi người sinh ra, dù là gái hay trai, cũng chỉ có gọn một tên riêng do cha mẹ đặt cho. Cũng đã biết được rằng ở dân tộc ông cũng như ở nhiều dân tộc khác tại miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, có

tập tục gọi liên danh người sinh thành, - là người mẹ hay người cha -, với người con đầu lòng của họ, khi gặp trường hợp trùng tên phải xác định họ là ai. Do đó, vị thủ lĩnh thường được đồng bào của ông gọi phổ biến, tùy theo nhóm dân tộc, là *Bơ Trang Lơng*, là *Ba Trang Lơng* hay *Bập Trang Lơng*. *Lơng*, như đã biết, là tên húy của ông. *Trang*, như sẽ nói ở sau, là con gái đầu lòng của ông. Còn *Bơ* trong các thổ ngữ Biêt, Rơhông, và Bưnơ, *bă*, *bập* trong các thổ ngữ Nông và Prâng, đều là thuật ngữ thân thuộc chỉ người cha. Từ thực tế trên đây, có thể khẳng định tên vị thủ lĩnh ghi chép khác nhau trong các hồ sơ tư liệu và sách báo của Pháp chỉ là những phiên chép khác nhau tùy ý của từng tác giả(3).

Cũng từ thực tế đó, đã rõ ràng cách ghi chép và giải thích tên vị thủ lĩnh trong bài Phong trào *N'trang Lơng*(4) là một sai lầm đáng tiếc, cần phải được đính chính vì từ mấy chục năm nay đã được đưa vào dùng phổ biến trong nghiên cứu sử cũng những trong thông tin và tuyên truyền của chúng ta.

Về năm sinh của Bơ Trang Lơng, trước đây bài báo vừa nêu đã ước đoán là khoảng năm 1870, sự ước đoán có dựa vào bản tin của tờ *La Populaire d'Indochine*, số 545 ngày 24-5-1935 thông báo về cái chết của Bơ Trang Lơng, với ước đoán rằng khi mất ông khoảng 65 tuổi. Cho đến năm 1955, đã có những tác giả Pháp đưa ra những ước đoán về con số tuổi của ông thấp hơn cả chục hay mười lăm năm. Chúng tôi nghĩ rằng các tác giả này đã không tính đến sự kiện vụ lính của Met Henri Mettie mùa khô 1910-1911 đã gây thảm họa cho gia đình ông, hãm hiếp vợ và con ông(5). Nếu ông chỉ sinh năm 1885, thậm chí năm 1880 thì làm sao vào năm 1911-1912, ông đã có thể có một con gái đã ở độ tuổi khó tránh khỏi nổi bất hạnh đó. Cũng xin thông báo với bạn đọc rằng sai số giữa tuổi do tờ báo nói trên đưa ra, với các kết quả mà chúng tôi thu thập được ở điền dã là không lớn lắm. Cụ Xbưi và cụ Bơ Nđrok Nưng (6), hai nghĩa quân cho đến những năm 1934-1935 vẫn chiến đấu bên cạnh Bơ Trang Lơng cho rằng vào những năm này ông khoảng 62 hoặc 63 tuổi.

Về thành phần tộc người của Bơ Trang Lơng, tập hồ sơ 95 của Tòa đại lý Ban Mê Thuột(7) năm 1914 và một số bài báo viết sau này đã có những ngộ nhận cho rằng ông gốc là người Lào, là người Rơhông, là người Xtiêng, là người Biêt-Bunr. Từ năm 1930, đã có nhiều bài báo của Pháp khẳng định ông là người Biêt chính cống. Các kết quả điều tra điền dã của chúng tôi thống nhất với khẳng định này. Theo hai cụ Xbui và Nđrok Nưng cũng như theo các bài hát dân gian về sự tích Bơ Trang Lơng thì quê ông là làng Bu Par (Bu Pơ), một làng Biêt nằm giữa vùng Biêt, dưới chân núi Nâm Đrênh, ăn nước Đak Đur chảy xuống sông Prêk Tê, thuộc tỉnh Krochê (cũ), gần con đường từ Krochê đi Ban Mê Thuột, cách Pu Xra khoảng 2 ngày đường về phía tây-bắc.

Cho đến nay, chúng ta chưa biết được gì rõ ràng về gia đình xuất thân của Bơ Trang Lơng cũng như về cuộc đời của Lơng từ tuổi thơ ấu đến tuổi trưởng thành(8). Dưới đây chỉ xin ghi lại một số tài liệu đã sưu tầm được qua điều tra điền dã, kết hợp với trình bày một số tài liệu thư tịch về hoàn cảnh gia đình của Bơ Trang Lơng kể từ khi ông đi vào lịch sử.

Theo cụ Xbui và cụ Bơ Nđrok Nưng cũng như nhiều cụ khác thì Bơ Trang Lơng có hai đời vợ. Đời vợ đầu là bà Lal, người Biêt, cùng quê với ông và là con gái của người đầu làng đương thời. Do tập tục cư trú phía vợ phổ biến ở nhóm Biêt, ông sống ở nhà vợ, thay thế bố vợ làm đầu làng Bu Par. Hai ông bà có với nhau bốn người con. Người đầu lòng là gái, tên Trang, như đã nói ở trên. Sau Trang cũng là hai gái: Hplang và Phiang, rồi một trai là Rkang. Dư luận khen ông bà là người làm ăn cần cù, giỏi giang, nên khá giả, đời sống gia đình vui vẻ, hạnh phúc. Nhưng rồi tai họa đã ập đến từ đồn Pu Xra, phá tan tổ ấm gia đình ông. Mùa khô năm 1910-1911, vợ ông và con gái đầu lòng của ông bị bọn lính của Met (9) hãm hiếp. Món nợ đó ông chưa trả thì cuối năm 1911 Met lại cho bọn tội phạm bắt và tra tấn dã man vợ và con ông đến chết. Giữa mùa khô sau đó, vào đầu năm 1912, ông nổi dậy trả mối thù nhà, đánh và triệt hạ đồn Pu Xra thì Met lại trả đũa. Trong

mùa khô 1912-1913, hấn đã "cho ông một bài học nên thân" (lời của Met), đốt sạch phá sạch mọi tài sản của gia đình ông, dồn ông vào cảnh vong gia bại sản. Cả ba người con còn lại của ông cũng từ đó bị đẩy vào cảnh phiêu bạt rời mắt tích(10).

Đời vợ sau của ông là bà Pang, một bà góa gốc Rơhông, có một con riêng. Quê bà là làng Bu Rôlâm, một làng Rơhông trước kia ở trên đầu nguồn sông Prêk Chlong, nhưng sau nhiều lần du canh du cư đã đến cắm tại hữu ngạn trung lưu sông Đak Huich. Đầu năm 1913, khi bị Met truy lùng ráo riết nhằm trả thù về trận ông triệt hạ đồn Pu Xra của hấn năm trước, Bơ Trang Lơng và một số nghĩa quân đã chuyển vùng đến nguồn Đak Huich này để lánh giặc, đồng thời gây dựng cơ sở mới, bắt mối với phong trào ở vùng này. Có lẽ ông đã gặp bà Pang và làm bạn với bà trong khoảng thời gian này. Từ sau khi quê hương được giải phóng, ông đã về ở hấn với bà ở Bu Rôlâm và làm đầu làng của làng này(11).

Theo nhiều cụ ở xã Quảng Đức gần Bu Rôlâm mà chúng tôi đã hỏi chuyện trong chuyến điền dã năm 1982 thì Bơ Trang Lơng và bà Pang không có con với nhau. Phong, người con gái riêng của bà, vẫn sống chung với ông bà cho đến khi có chồng con(12). Dư luận cũng khen bà Pang là đảm đang, trung hậu. Từ khi ông về sống chung với bà ở Bu Rôlâm, hai ông bà chung sức làm ăn ngày càng có của ăn của để, dần dần có chiêng, có ché quý, có cả voi. Đến khi ông lại buộc phải cầm súng lên đường đi đánh Pháp xâm lược trở lại lại Cao nguyên quê hương, bà đã đi theo ông, trở thành người bạn chiến đấu của ông. Đến khi ông ngã xuống trước họng súng của quân thù ở Bu Par, bà đã ngã theo, hy sinh bên cạnh ông.

Vị đầu làng Bu Par Bơ Trang Lơng bước vào lịch sử giữa mùa khô 1911-1912, năm ông khoảng 40 tuổi. Từ đó, ông hiến dâng tất cả những năm tháng của đời mình cho cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp. Ngay cả trong những năm dài quê hương được giải phóng, tuy trở lại với cuộc sống bình thường của một người đầu làng nơi quê hương vợ ở Bu Rôlâm nhưng từng lúc, từng nơi, khi tỉnh

hình cuộc chống Pháp lấn chiếm Cao nguyên trở lại đòi hỏi, ông vẫn cố mặt ở vị trí cần thiết, làm nhiệm vụ của người thủ lĩnh phong trào.

Cuộc nổi dậy của Bơ Trang Lơng nổ ra trong điều kiện toàn Cao nguyên Mnông sôi sục căm thù giặc Pháp xâm lược đã từ nhiều năm. Vì vậy, ngay từ trận đánh đầu tiên của ông, trận Pu Xra (1912), đã có sự tham gia đông đảo của hàng mấy chục làng trong khu vực. Đến trận đánh thứ hai của ông, trận tiêu diệt tên đại lý Hangri Met và đồn đại lý Bu Mera (1914) thì đây, - như tên đại lý Ban Mê Thuật L. Xabachiê đã nhìn nhận trong bản báo cáo của y về vụ này(13)-, quyết không phải là một sự kiện riêng biệt và ngẫu nhiên, mà là cả một phong trào có chuẩn bị và là một cuộc nổi dậy của toàn miền. Thật vậy, nếu tiếp tục theo dõi thì càng về sau, tính chất quần chúng nhân dân của cuộc nổi dậy càng rõ rệt. Ngoài lực lượng nghĩa quân do ông trực tiếp liên minh và chỉ huy, ngoài lực lượng nổi dậy mà ông liên kết và phối hợp chiến đấu từ xa, còn một lực lượng đông đảo khác, tuy ông không liên lạc hay liên hệ được, nhưng vẫn hướng về ông và làm theo ông. Đúng như tập thể tác giả cuốn *Lịch sử Campuchia* (Tlđd) đã viết: "nhân dân các dân tộc trong vùng coi Pu Trang Luông như vị thủ lĩnh tối cao của họ và họ chỉ tuân theo lệnh của ông. Thực dân Pháp biết vậy, nhưng không sao dập tắt được phong trào".

Nói về Bơ Trang Lơng là nói đến một tấm gương tiêu biểu nhất trong lịch sử chống Pháp ở miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, về tinh thần thiết tha yêu quê hương, về chí căm thù sâu sắc của giặc Pháp xâm lược, về lòng dũng cảm và ý chí kiên cường, quyết tâm chiến đấu đến cùng để bảo vệ cuộc sống độc lập tự do của quê hương. Để làm rõ hơn bức chân dung khái quát nói trên của Bơ Trang Lơng, dưới đây xin thêm một số nét thú rút từ các tư liệu mới thu thập được.

Một là, so sánh với các thủ lĩnh chống Pháp cùng thời với ông ở miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, Bơ Trang Lơng cho thấy ông có một chí hướng khác người. Mục tiêu chiến đấu của ông không hạn chế ở lợi ích của

buôn làng hay địa phương mình, mà vì một lợi ích lớn hơn: cuộc sống độc lập tự do của cộng đồng dân tộc ông. Thật vậy, ngay từ những ngày đầu ông mới cầm vũ khí đứng lên đánh Pháp, đã có một tin lan truyền đi: "Ông sẽ đánh tất cả các đồn bốt (Pháp) trong khu vực, kể cả Krochê, và nếu (Pháp ở) Ban Mê Thuật đem quân can thiệp, ông sẽ tiến đánh Bản Đôn, đánh cả cho đến Kon Tum"(14). Và trong thực tế, ông đã làm như vậy. Trong ba năm đầu cuộc khởi nghĩa, ông đã lần lượt đập tan mọi đồn bốt và các cơ sở thống trị khác của Pháp trên cao nguyên quê hương dân tộc ông. Hơn hai mươi năm tiếp theo đó, không một bước lấn chiếm nào của thực dân Pháp vào quê hương dân tộc ông không bị ông và nghĩa quân của ông chặn đánh. Cho đến trước khi ông buộc phải buông tay súng vì bị phản bội, chí hướng của ông không giây lát giao động. "Tuy đã già, ông vẫn còn tráng kiện..., ông vẫn quyết tâm bằng mọi giá đánh đuổi Pháp ra khỏi Cao nguyên quê hương ông một lần nữa"(15).

Phải chăng từ các điều đó, có thể nói ở con người Bơ Trang Lơng, một ý thức dân tộc Mnông và một tinh thần dân tộc Mnông đã đến độ chín? Phải chăng so với các thủ lĩnh chống Pháp khác cùng thời với ông trên miền sơn nguyên này, ông đã đi trước một bước về ý thức dân tộc và tinh thần độc lập dân tộc.

Hai là, trong các yếu tố sức mạnh làm nên bản lĩnh con người Bơ Trang Lơng, ngoài lòng dũng cảm và tài quyền biến, mưu cơ đã được nói đến nhiều, không thể không nói đến sức mạnh cơ thể bền bỉ, dẻo dai đến kỳ lạ của ông. Thực vậy, nếu ông không có một thể lực lớn nếu không gọi là phi thường thì làm sao trong điều kiện tuổi ngày càng cao, hoàn cảnh chiến đấu vô cùng gay go gian khổ, ông vẫn luôn ở tư thế tiến công địch trong suốt gần phần tư thế kỷ. Theo các chứng nhân lịch sử thì khi ông mới cầm vũ khí đứng lên, tuy tuổi đã trên 40, khuôn mặt ông trông vẫn còn trẻ trung, dáng vóc ông cao lớn, đầu to, vai rộng, mái tóc còn đen, nước da ông cũng xạm đen một màu dãi dầu mưa nắng, ông có giọng nói oang oang trời phú. Đã 65 tuổi, giữa những ngày tháng 4, tháng 5 năm 1935, phải đối đầu với một kẻ địch mạnh gấp nhiều

lần, ông vẫn xông xáo, trước sau như một mất một còn với giặc Pháp.

Cho đến nay, trong đồng bào ông vẫn còn lưu truyền một huyền thoại về sức mạnh thần kỳ đó của ông. Huyền thoại đó kể rằng, ông vốn có một viên ngọc thần nằm trong nách, và đó là thần bảo mệnh của ông. Khi giặc Pháp bắt được ông, chúng đàn hàng ngang bắn ông bầy loạt đạn, ông vẫn đứng sừng sững. Cho đến khi giặc biết và lấy được viên ngọc ra, lúc đó chúng bắn ông mới đổ(16).

Một nét nổi bật của Bơ Trang Lơng là ông có sức cuốn hút quần chúng mạnh mẽ. Sức cuốn hút đó phần do các chiến công lẫy lừng, do tinh thần chiến đấu dũng cảm và mưu trí của ông, nhưng một phần quan trọng do đức độ của ông, hay nói theo lối hiện nay của chúng ta, do lòng nhân ái và tinh thần chí công vô tư của ông trong ứng xử. Xoay quanh sự kiện Met bị giết ở Bu Nor năm 1914, các tác giả thực dân Pháp đã ra sức bịa đặt nhằm bôi nhọ thanh danh ông. Họ vu khống ông chỉ đơn giản là một tên tướng cướp khát máu, tàn bạo, giảo quyệt và tham lam, v.v. và v.v.(17). Song lịch sử vẫn là lịch sử. Tất cả những luận điệu xảo trá đó đã bị tập Hồ sơ 95 về sự kiện nói trên vạch trần. Căn cứ tập Hồ sơ này, không chỉ cuộc nổi dậy của ông và của đồng bào ông sáng ngời chính nghĩa mà các ứng xử của ông trong sự kiện cũng biểu thị một tinh thần giàu tính nhân đạo và hoàn toàn vì lợi ích chung, vì nghĩa lớn.

Đối với Pháp xâm lược, không chỉ ông mà cả đồng bào của ông đều coi là kẻ thù không đội trời chung, nhất thiết phải tiêu diệt bằng được (X. Biên bản số 5, Hồ sơ 95).

Với binh lính và tay chân của Pháp, ông cũng nghiêm khắc, trừng trị đích đáng, nhưng một khi chúng không còn khả năng làm hại thì ông tha tội chết trả tự do mà không đòi một khoản tiền chuộc nào, ngoài điều kiện không trở lại làm tay sai cho Pháp, không dẫn Pháp xâm lược trở lại Cao nguyên quê hương ông. (X. Biên bản số 5 Hồ sơ 95).

Đối với đồng bào, đồng chí, ông có tinh thần nhân ái, sống chết có nhau, đùm bọc nhau, thương yêu nhau. Đối với những người

bị giặc Pháp bắt đi xâu di phu mà nghĩa quân bắt được, ông tỏ ra độ lượng, thông cảm cảnh ngộ, tha chết cho về. (X. Biên bản số 12, Hồ sơ 95).

Còn đối với tài sản nghĩa quân thu được của giặc, nếu là của dân thì ông sai trả lại dân (X. Biên bản số 12, Hồ sơ 95 và thư của Khundjônôb gửi Xabacchiê, đại lý Ban Mê Thuột, ngày 30-8-1914 trong cùng hồ sơ); nếu là của giặc thì ông đem phân phát cho nghĩa quân. (X. Biên bản số 7, Hồ sơ 95).(18)

Tóm lại, có thể nói Bơ Trang Lơng là một mẫu mực có một không hai trong đội ngũ những người thủ lĩnh chống Pháp ở miền Sơn nguyên Nam Đông Dương dưới thời Pháp thuộc. Ở ông, nổi bật là đã nảy nở một ý thức dân tộc và một tinh thần dân tộc độc lập rõ rệt, mặc dù còn những hạn chế do lịch sử qui định. Chính ý thức đó và tinh thần đó là động lực đã đẩy ông đứng lên và tiến hành một cuộc chiến đấu không giây phút chùn bước trong suốt một phần tư thế kỷ, một cuộc chiến đấu mà chúng ta có quyền giả thiết sẽ còn tiếp tục xa hơn nữa nếu ông không bị phản bội.

Dân tộc Mnông rất tự hào về người thủ lĩnh của mình. Từ năm 1912 khi ông mới đứng lên cho đến khi ông phải dừng tay chiến đấu tháng 5-1935, lớp lớp người đầu làng Mnông đã kế tiếp nhau đứng bên cạnh ông, cùng ông chiến đấu dũng cảm, ngoan cường. Làng làng đều có nghĩa quân trực tiếp tham gia chiến đấu dưới sự chỉ huy của ông, hoặc từ xa hưởng ứng ông mà tự đứng lên đánh giặc. Từ quá trình phong trào Bơ Trang Lơng, trong ngôn ngữ Mnông đã xuất hiện một danh từ mới "Ling Bơ Trang Lơng". Đây trước hết là một danh hiệu cao quý mà người Mnông dành riêng để gọi người chiến sĩ nghĩa quân phong trào Bơ Trang Lơng. Hai cụ Xbui và Bơ Nđrok Nưng cho biết khi lâm trận, danh hiệu đó cũng được dùng làm khẩu hiệu chiến đấu để uy hiếp tinh thần địch(19).

### III. Những chiến tích của Bơ Trang Lơng và nghĩa quân Mnông - Xtiêng.

Cho đến nay, ngay trong sách báo nghiên cứu của chúng ta, các chiến công của Bơ

Trang Lơng vẫn còn trình bày một cách chưa đầy đủ. Trong tình hình đó, thiết nghĩ lập một bản tóm tắt nhưng có hệ thống các chiến công của ông là một việc làm có ích.

- Đầu năm 1912, tiêu diệt đồn đại lý Pu Xra, giết tên Balát Mau, quyền trưởng đồn, và toàn bộ số lính trong đồn.

- Mùa khô 1912-1913, làm thất bại cuộc càn quét của tên tỉnh trưởng tỉnh Kroché Kanom và chiến dịch dài hạn của tên đại lý Hangri Met. Đồng thời, bắt tay được với nhiều thủ lĩnh quan trọng người Rơhong và người Nông, mở rộng phong trào nổi dậy chống Pháp.

- Cuối tháng 7-1914, trực tiếp chỉ huy trận đánh liên hoàn Bu Nor - Bu Mèra - Bu Bông, và tiếp theo đó, các trận đánh đồn Pu Klia và Pu Thông, tiêu diệt tên đại lý Hangri Met và toàn bộ các đồn bốt của Pháp trên Cao nguyên Mnông, hoàn toàn giải phóng Cao nguyên Mnông khỏi ách xâm lược và thống trị của thực dân.

- Tháng 1-1915, trực tiếp đánh tan cuộc hành quân càn quét của Tru Phô (Trouffot), phó sứ tỉnh Kroché, giết Tru Phô, Macgăng (Margand) và toàn bộ cánh quân đi theo. Sau đó, tấn công, bức rút đồn Xrây Ktum.

- Tháng 10-1922, tiêu diệt tên balat Lu Nek của đồn đại lý Chlong Phals và cánh quân tuần liểu đi theo tại Xrây Lôvi.

- Tháng 1-1931, trực tiếp chỉ huy trận phục kích giết Gati (Gatille), đại lý hạt Xnul và là chỉ huy trưởng công trường làm đường 14 leo lên Cao nguyên Mnông. Trận đánh thắng lợi của ông đã thổi phong trào chống Pháp vùng lên mạnh mẽ khắp cao nguyên.

- Từ cuối năm 1931, bọn cầm quyền chớp bu ở Đông Dương chủ trương dùng lực lượng mạnh, tiêu diệt Bơ Trang Lơng, đánh chiếm lại Cao nguyên Mnông. Tháng 1-1933, ông tập kích đồn km 65 (đồn Gati), đồng thời phục kích đánh viện, giết và làm bị thương nhiều lính và chỉ huy. Cũng trong năm 1933 thì nổ ra vụ người Xtiêng ở khu vực này nổi lên giết tên đại lý Bà Rá Mòre (Morère).

- Tháng 1-1934, ông tập trung lực lượng đánh mạnh lần đầu vào đồn đại lý Lơ Rôlăng

(le Rolland). Do có sự liên lạc và vận động của ông từ trước, ngay ngày hôm sau cũng nổ ra một trận đánh phối hợp lớn của người Mnông - Xtiêng vào đồn Bu Koh khu vực Bà Rá.

- Tháng 3-1933, ông tập kích hai lần nữa vào đồn Lơ Rôlăng. Riêng trận ngày 5 đã giết và làm bị thương nhiều lính và chỉ huy Pháp.

- Vì đồn Lơ Rôlăng bị ông uy hiếp mạnh và liên tiếp, bọn cầm quyền chớp bu ở Đông Dương quyết định thay tướng và tăng quân để tiêu diệt bằng được Bơ Trang Lơng, chấm dứt bằng được cuộc kháng chiến trên Cao nguyên. Tháng 4-1935, ông trả lời chúng bằng hai trận đánh liên tiếp vào đồn Gati. Trong trận đánh đêm 29, quân Pháp bị uy hiếp rất nặng, nhưng không ngờ đây là trận mật đối mật cuối cùng ông được đánh địch trong thế chủ động tiến công. Trong hai mươi ngày đầu tháng 5, quân Pháp một mặt dùng tổng lực khoanh vùng càn quét, lùng sục; mặt khác, dùng kế gian mua chuộc một tên phản bội làm chỉ điểm để bắt ông. Vì vậy, cuối cùng, ông đã ngã xuống giữa vòng vây dày đặc của địch, sau khi đã bắn hết những viên đạn của mình vào đầu giặc.

#### IV. Gương hy sinh vì xứ sở của người anh hùng chân đất Bơ Trang Lơng.

Bơ Trang Lơng mất sáng ngày 23-5-1935 (20) tại Bu Par, ít ngày sau khi ông bị Pháp bắn trọng thương trong trận chiến đấu một mất một còn cuối cùng của ông với giặc tại làng này.

Trong và sau trận ông đánh đồn Gati ngày 29-4, Pháp thấy rõ chúng bị uy hiếp mạnh, nên từ đầu tháng 5 trở đi, chúng ra sức tung quân truy lùng nghĩa quân, bắt chấp các cơn mưa đầu mùa xối xả, bắt chấp núi cao rừng sâu. Trong hoàn cảnh đó, Bơ Trang Lơng tạm lánh về quê cũ ẩn náu trong một khu rừng gần Bu Par. Sự cố mật của ông ở đây đã bị tên phản bội Bơ Mpông Phê, điểm chỉ của Pháp phát hiện. Phê vốn là đầu làng làng Bu Rtung(21) và từng là một thủ lĩnh nghĩa quân thời kỳ đầu cuộc khởi nghĩa. Thời kỳ sau năm 1915, đời sống trên Cao nguyên có nhiều khó khăn, hấn đã dao động chạy theo

giặc, nộp cho giặc một số súng mà nghĩa quân đã cướp được nên bị nghĩa quân trừng trị nghiêm khắc. Vào lúc Bơ Trang Lơng bị hấn phát hiện thì có một cánh quân của Nyô do tên quan hai Lobel (lebel) chỉ huy với sự hiệp lực của tên Bêxret (Besret), quan một bảo an ở Chlong Phlas, đang ráo riết săn lùng ông ở phía này, cách nơi ông ẩn náu khoảng một ngày đường. Phê đã tìm Pháp, đưa chúng đến bao vây ông. Thế là nổ ra trận chiến đấu cuối cùng của ông, một trận chiến đấu bất ngờ, không cân sức mà ông buộc phải chấp nhận. Ông ngã xuống giữa vòng vây dày đặc của địch, trong tay vẫn còn nắm khẩu súng theo ông chiến đấu đã hơn hai mươi năm và lúc này vẫn còn nóng bỏng những viên đạn cuối cùng mà vị anh hùng chống Pháp bắn vào đầu giặc.(22).

Bơ Trang Lơng ngã xuống, thực dân Pháp không giấu giếm sự há hê thô thiển của chúng. Ngay sau khi ông qua đời, tờ *Le Populaire d'Indochine*, cơ quan thông tin và ngôn luận chính thức của thực dân Pháp ở Đông Dương, số 385, ngày 24-5-1935 đã vội vàng loan tin về cái chết của ông với một thái độ hí hửng không che đậy:

"Bơ Trang Lơng, tên tù trưởng đã giết H.Met và 28 lính khố xanh, và là một tù trưởng Mọi đáng gờm, kẻ đã giết hại người Âu châu [nên hiểu là Pháp] từ 25 năm nay trên các miền còn chưa khuất phục, - tính số ra, hẳn phải chịu trách nhiệm về 50 cái chết -, cách đây mấy ngày đã bị quân đội ở đồn Chlong Phlas tóm được ở một cái lán, và trong cuộc giao chiến đã bị trọng thương, vì những vết thương đó đã chết ngày 23.

"Đây là một kẻ thù nguy hiểm đã loại được, bởi vì từ khi giết được H.Met, tên tù trưởng đó đã có một ảnh hưởng cực kỳ to lớn đối với mọi nhóm dân cư trên các miền cao nguyên còn chưa chịu khuất phục. Chính Bơ Trang Lơng là kẻ đã tổ chức các cuộc tiến công vào đồn Gati, Lơ Rôlăng. Hấn ta đã khoảng 65 tuổi. Cái chết của hấn sẽ gây một ấn tượng lớn, có lợi cho sự xâm nhập hòa bình [của Pháp]".

Như vậy, suốt một phần tư thế kỷ từ 1911 đến 1935, Bơ Trang Lơng đã luôn luôn là một

mục tiêu tìm diệt hàng đầu của thực dân Pháp, mục đích nhằm xóa bỏ đi một cản trở, mở đường cho chúng chinh phục toàn bộ miền Sơn nguyên Nam Đông Dương. Loại được ông, chúng tin rằng con đường xâm lược sẽ mở rộng thênh thang cho chúng. Song thực tế lịch sử đã không ủng hộ chúng. Năm 1936, khi phong trào Bơ Trang Lơng chưa kịp lắng xuống thì khắp miền sơn nguyên này lại đã rộ lên một phong trào đoàn kết chống Pháp, phong trào "Nước Vía" do So Lơ tức Ma Chăm ở miền núi Tây Phú Yên khởi xướng, kéo dài từ 1935 cho đến 1940, gây cho Pháp rất nhiều khó khăn trong việc kiểm soát nhiều vùng thuộc Trường Sơn - Tây Nguyên và Hạ Lào thậm chí cho đến những ngày trước Cách mạng Tháng Tám 1945(23).

Đồng bào Mnông có huyền thoại kể rằng khi Bơ Trang Lơng vừa ngã xuống thì từ ngực ông đã mọc lên một cây *blang*(24); trải qua năm tháng cho đến ngày nay, cây *blang thần* đó vẫn không ngừng vươn lên cao lồng lộng trên nền trời trong xanh của Cao nguyên Mnông. Đây rõ ràng là một tượng đài kỳ vĩ, tuyệt đẹp, sống mãi với thời gian mà đồng bào Mnông đã dựng lên để ca ngợi tinh thần anh hùng bất khuất của Bơ Trang Lơng. Đối với tất cả các dân tộc vùng sơn nguyên bao la, hùng vĩ này, cây *blang* là biểu tượng của cội nguồn và sinh sôi, của phát triển và bất diệt. Huyền thoại cây *blang* mọc lên trên ngực của Bơ Trang Lơng khi ông vừa ngã xuống không chỉ nói lên lòng tôn kính và mến phục vị anh hùng dân tộc, cũng biểu thị quyết tâm và ý chí giữ vững truyền thống bất khuất của vị anh hùng dân tộc, còn xâm lược là còn chống xâm lược, ở người Mnông nói riêng, ở các dân tộc khác miền Sơn nguyên Nam Đông Dương nói chung.

## V. Một vài nhận xét chung.

Trong hơn 25 năm dưới sự lãnh đạo của vị anh hùng dân tộc Bơ Trang Lơng, nhân dân Mnông và Xtiêng hai nước Việt Nam và Campuchia đã tiến hành một cuộc đấu tranh kiên cường chống thực dân Pháp xâm lược và thống trị, làm nên những chiến công oanh liệt, tiêu diệt hàng trăm tên địch, trong đó có

những tên thực dân sùng sỏ như Met, Trupphô, Gati, Mòre,..., thu của chúng hàng ngàn súng ống, đạn dược và nhiều kho tàng phục vụ chiến tranh, buộc địch phải rút khỏi Cao nguyên Mnông trong những thời gian dài. Các chiến công đó đồng thời đã động viên, cổ vũ các phong trào chống Pháp khác trên toàn miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, gây cho Pháp rất nhiều khó khăn và tổn thất trên bước đường chinh phục của chúng đối với vùng núi và cao nguyên này.

Có thể nói Phong trào Bơ Trang Lơng là phong trào chống Pháp có qui mô lớn nhất, có địa bàn rộng nhất, diễn ra liên tục, bền bỉ, quyết liệt nhất, và có ảnh hưởng tích cực nhất đối với toàn cục cuộc kháng chiến chống Pháp trên miền Sơn nguyên Nam Đông Dương. Tính cho đến giữa những năm 1930, sau gần 80 năm xâm lược Việt Nam và Campuchia, thực dân Pháp vẫn cơ bản chưa khuất phục được tất cả các dân tộc trên miền Sơn nguyên quan trọng này. Đó là một thất bại lớn của chúng, đồng thời là một thắng lợi về vang của phong trào Bơ Trang Lơng, một đóng góp quan trọng của phong trào đó vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc của hai nước Việt Nam và Campuchia. Đóng góp quan trọng đó, Chi bộ Đảng cộng sản Đông Dương ở hải ngoại đã nhận thấy và đánh giá cao: "Dân chúng người Lào, người Cao Miên, người Thượng, người Thổ... đang hăng hái chen vai thích cánh với anh em giai cấp người Việt Nam mà chống đế quốc, phong kiến... ai ai cũng nhớ rằng từ năm 1933 đến nay, dân tộc Thượng ở Đông Nai Thượng (Trung Kỳ) không chịu đầu hàng đế quốc Pháp"(25).

Về phía thực dân Pháp, chính chúng cũng buộc phải công nhận là chúng đã bị thiệt hại nặng nề. Chúng coi Bơ Trang Lơng là "kẻ thù đáng gờm nhất" trên mọi nẻo đường xâm lược của chúng tại miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, vì "từ sau khi ông giết được Met (1914), ảnh hưởng của ông cực kỳ to lớn đối với mọi nhóm cư dân Thượng còn chưa chịu khuất phục trên các miền núi và cao nguyên này"(26).

Rõ ràng là Phong trào Bơ Trang Lơng có vai trò là ngọn cờ đầu chống Pháp tiêu biểu

cho truyền thống đoàn kết, bất khuất chống xâm lược của các dân tộc miền Sơn nguyên Nam Đông Dương. Đồng thời, đó cũng là một trong những trang sử vẻ vang chung của hai dân tộc Việt Nam và Campuchia trong thời kỳ cận hiện đại, đấu tranh chống xâm lược và thống trị Pháp, giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho quê hương xứ sở.

Nói đến các đặc điểm của Phong trào Bơ Trang Lơng, thiết nghĩ trước hết phải nói đến tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng của Bơ Trang Lơng và nghĩa quân của ông.

Thật vậy, trong suốt hơn 25 năm cuộc nổi dậy, bất kể hoàn cảnh chiến đấu khó khăn và nguy hiểm như thế nào, ông và nghĩa quân luôn nêu cao tinh thần quyết chiến quyết thắng, ý chí sắt đá không sợ hy sinh gian khổ, không đầu hàng thỏa hiệp, dù lực lượng của kẻ địch hùng hậu đến như thế nào. Vì chính sách tàn bạo của kẻ thù, ông và nghĩa quân đã đứng lên cầm vũ khí chiến đấu. Kẻ thù càng hung hăng, tàn bạo, cuộc chiến đấu của ông và nghĩa quân càng kiên quyết, mãnh liệt. Khi ông ngã xuống, ông vẫn trong tư thế chiến đấu mặt đối mặt với quân thù. Chính kẻ thù cũng đã buộc phải thừa nhận tinh thần sắt đá và lòng tự tin không gì lay chuyển nổi của ông(27). Như vậy, chúng ta có đủ lý do để khẳng định rằng chính tinh thần chiến đấu kiên cường, anh dũng của Bơ Trang Lơng là nhân tố hàng đầu đã làm nên các chiến công oanh liệt của Phong trào chống Pháp do ông lãnh đạo, đưa phong trào đó lên vị trí là ngọn cờ chống Pháp chung của dân tộc ông cũng như các dân tộc khác trên miền Sơn nguyên Nam Đông Dương.

Để che đậy thất bại của chúng, đồng thời để bào chữa cho chủ nghĩa thực dân, các nhà nghiên cứu của chủ nghĩa thực dân Pháp và các tên cầm quyền chóp bu Pháp ở Đông Dương đã ra sức giải thích nguyên nhân cuộc nổi dậy của Bơ Trang Lơng và đồng bào ông bằng những luận điệu xuyên tạc, như cho rằng đó là hệ quả tất nhiên của "tính hiếu chiến", của "bản năng vô chính phủ", của những tín ngưỡng tôn giáo lạc hậu(28), của sự bị xúc phạm trong phong tục tập quán(29). Thậm chí có tác giả đã nêu lên giả

thiết có thể đã có bàn tay xúi giục gây rối của gián điệp Đức(30). Riêng tên toàn quyền Đông Dương Đơcu (Decoux) thì đã lên tiếng phủ tội hoàn toàn cho Met và cho chủ nghĩa thực dân Pháp. Về các cuộc nổi dậy của Bơ Trang Lơng đánh vào đồn Pu Xra năm 1912 và tiêu diệt Met tại Bu Nor năm 1914, y đã cho rằng: "Met bị giết... không phải vì người Mọi căm thù gì công cuộc khai hóa của Pháp ở đây, mà là do các hành vi tham nhũng, hà hiếp dân của bọn thuộc hạ của Met(31).

Khác với các luận điệu xa rời với thực tế lịch sử đó, phần chúng ta chỉ có một cách giải thích, đó là: Phong trào Bơ Trang Lơng cũng như mọi cuộc nổi dậy khác của các cư dân miền Sơn nguyên Nam Đông Dương, không có nguồn gốc nào khác ngoài lòng thiết tha yêu quê hương buôn rẫy, thiết tha yêu cuộc sống độc lập tự do từ ngàn xưa ông bà để lại. Những người lao động được tôi luyện trong cuộc đấu tranh gian khổ hàng ngày với thiên nhiên, khi có nguy cơ mất tự do thì liền trở thành những chiến sĩ dũng cảm đánh bọn xâm lược và thống trị đến cùng để bảo vệ cuộc sống, bảo vệ quê hương. Trong những điều kiện lịch sử mới bị đế quốc thực dân xâm lược, những tình cảm yêu quê hương buôn rẫy vốn mộc mạc nhưng chứa đựng một sức mạnh tinh thần to lớn, lại đang trên đà biến chuyển thành lòng yêu dân tộc, yêu đất nước, thì với sự biến chuyển này, sức mạnh đó càng tăng, khi đụng chạm với chính sách tàn bạo của bọn thực dân, càng thúc đẩy quá trình giác ngộ đấu tranh vì lợi ích sống còn của dân tộc, của đất nước thêm mạnh mẽ, sâu sắc(32). Có thể nói, cuộc nổi dậy của Bơ Trang Lơng với mục tiêu đề ra từ đầu là giải phóng Cao nguyên Mnông, với ý chí sắt đá chiến đấu đến cùng để đạt được mục tiêu đó là một thể hiện rõ rệt của chân lý lịch sử này.

Nhìn lại cuộc chiến đấu của Phong trào Bơ Trang Lơng từ những ngày đầu cho đến khi kết thúc, ngoài tinh thần chiến đấu dũng cảm của nghĩa quân, cũng thấy nổi bật lên một nét khác, đó là tài nghệ chỉ huy chiến đấu của Bơ Trang Lơng. Ông cùng với các thủ lĩnh bạn chiến đấu của ông, đã tìm ra được những hình thức và phương pháp tác chiến thích hợp, đạt hiệu quả cao, thắng Pháp nhiều trận

oanh liệt. Điểm lại các trận đánh do Bơ Trang Lơng tổ chức và chỉ huy, về cách đánh của ông, thấy nổi bật lên mấy nét sau:

- Tư tưởng chỉ phối chung các trận đánh của ông là tích cực, chủ động, kiên quyết tiến công địch. Đã đánh là phải thắng, trước hết là phải đập dập được đầu rắn; diệt được Pháp rồi thì cũng phải diệt tề trừ gian.

- Về cách đánh của ông thì thấy ông đánh đồn là nhiều nhất, nhưng ông cũng chú trọng chống lấn chống càn. Trong đánh đồn, ông thường đánh chính diện, nhưng cũng có trận ông vừa đánh chính diện, vừa bố trí đánh ngăn viện, diệt viện. Có trường hợp đồn lớn, địch mạnh, ông đã dùng mưu xé nhỏ địch ra mà đánh, dụ bộ phận mạnh ra xa đồn để tiêu diệt trước, tiêu diệt bộ phận còn lại trong đồn sau. Trong chống lấn chống càn, ông theo dõi, bám sát địch khi chúng hành quân, đánh quấy rối chúng dọc đường; khi cơ hội đã đến thì tập kích vào nơi chúng trú quân mà tiêu diệt. Hãn hữu mới thấy có trận ông đánh phục kích.

- Trong tác chiến, phương châm và phương pháp thấy ông thường áp dụng là: địch tiến công thì ông nằm im; khi địch đã nằm im thì ông đánh; địch mạnh thì ông tránh, ông chỉ đánh khi địch sơ hở hoặc ông tự tạo được thời cơ. Với ông, dùng mưu là thượng sách, hạ sách mới dùng lực hoặc kết hợp dùng cả hai. Khi dùng mưu là chủ yếu thì ông tận dụng các yếu tố bí mật và bất ngờ, bịt mắt địch mà đánh. Khi dùng lực là chủ yếu, ông thường dùng lực lượng lớn đủ áp đảo địch.

- Về thời gian, thời điểm đánh, vũ khí dùng, tốc độ hành quân, ông có những quyết định khác nhau tùy theo dùng mưu hay dùng lực hoặc dùng kết hợp cả hai. Ông thường đánh địch vào mùa khô (địch cũng vậy), nhưng khi có cơ hội, mùa mưa ông cũng đánh. Đánh đồn, ông thường đánh vào lúc nửa đêm về sáng, nhưng cũng có trận ông đánh giữa ban ngày. Vũ khí trắng (giáo, đao, dao ngắn) là vũ khí duy nhất được ông cho dùng trong các trận đánh bằng mưu. Súng từ khi có, do cướp được của địch, cũng thấy được ông dùng trong các trận đánh đồn ban ngày,

kết hợp với các vũ khí cổ truyền. Có trận đánh đồn diệt viện, ông đã áp dụng cách đánh bằng hầm hào đào sẵn, kết hợp dùng súng với tên nỏ, hỏa công. Các cuộc hành quân nhanh bất kể ngày đêm thấy được ông áp dụng trong trận đánh liên hoàn Bu Nor - Bu Mera - Bu Bông và các trận đánh tiếp liền sau đó nhằm giải phóng Cao nguyên quê hương cuối tháng 7 và nửa đầu tháng 8 giữa mùa mưa năm 1914. Trong thời kỳ đối đầu một mất một còn giữa ông và Pháp, cuối mùa khô 1934-1935, ông đã đánh một đồn địch đồn dập nhiều lần, cho nghĩa quân di động nhanh, lúc ẩn lúc hiện để đánh địch hoặc tránh địch, là những cách đánh được ông dùng.

Ngoài ra, và đây là một nét riêng biệt trong cách đánh địch của Bơ Trang Lơng trong thời kỳ Pháp dùng lực lượng mạnh để tái chiếm Cao nguyên Mnông từ 1931 đến 1935, bằng liên lạc và vận động từ xa, ông đã tổ chức được những trận liên kết và phối hợp với các đội nghĩa quân khác ở xa mà ông không với tới được. Điển hình là trận phục kích tên đại lý Móre ở gần Bà Rá tháng 10-1933, và trận đánh đồn Bu Koh đầu tháng 1-1934 của người Xtiêng và người Mnông - Xtiêng do ông vận động, tổ chức qua con đường các phái viên mật của ông. Trong lịch sử chống Pháp ở miền Sơn nguyên Nam Đông Dương cho đến hồi bấy giờ, có thể nói chưa có một thủ lĩnh nào đã thực hiện được những trận đánh liên kết và phối hợp như vậy.

Qua các chi tiết trình bày trên đây về cách đánh của Bơ Trang Lơng, phải chăng có thể kết luận, mặc dù bị hạn chế bởi các điều kiện lịch sử, ông đã biết vận dụng một cách khá sắc bén và linh hoạt phương lược (theo lối nói ngày nay) gọi là chiến thuật đánh du kích. Chỉ một con số 50 tên Pháp đã bị ông diệt cũng đủ nói lên nghệ thuật đánh du kích của ông có hiệu quả đến dường nào. Kể từ khi toàn quyền Đume ra lệnh chính thức xâm lược miền núi và cao nguyên này (1898) cho đến khi kết thúc chế độ Pháp thuộc ở Đông Dương năm 1945, tổng số Pháp bị diệt ở các cuộc nổi dậy khác trên toàn miền Sơn nguyên Nam Đông Dương này thì con số đó còn vượt nhiều lần hơn. Ấy là chưa kể 50 tên Pháp đó

gồm toàn quan cai trị, sĩ quan và hạ sĩ quan quân đội và lực lượng bảo an. Cùng với chúng, còn biết bao binh lính và vũ khí đã mất theo.

Có thể nói, không có tài nghệ đánh du kích của Bơ Trang Lơng thì không có các chiến thắng oanh liệt vang lừng như Pu Xra, Bu Nor - Bu Mera - Bu Bông, Bu Tiên, Gati...; cũng không có phong trào chống Pháp bền bỉ, liên tục, lâu dài của dân tộc Mnông mà ngày nay chúng ta gọi là Phong trào Bơ Trang Lơng. Bơ Trang Lơng rất xứng đáng với danh hiệu anh hùng dân tộc mà các nhà sử học Việt Nam đã tặng ông trong lễ Kỷ niệm 50 năm Chiến thắng Bu Nor - Bu Mera tổ chức tại Hà Nội ngày 1-12-1964.

Song, chúng ta cũng thấy tuy Bơ Trang Lơng đã có ý thức đấu tranh vì lợi ích sống còn của dân tộc, nhưng ý thức đó mới chỉ ở độ nảy nở, dù rằng ông đã trở thành người thủ lĩnh cao nhất của dân tộc ông. Trong chiến đấu, ông là người thủ lĩnh quân sự cao nhất, nhưng trong đời sống xã hội hàng ngày, trước sau ông vẫn chỉ là một người đầu làng như mọi người đầu làng khác. Do đó, phong trào do ông lãnh đạo khi phát triển tuy có lan rộng bao trùm dân tộc ông, nhưng về cơ bản vẫn chưa thoát khỏi tính chất, như mọi phong trào chống Pháp khác ở miền Sơn nguyên Nam Đông Dương hồi bấy giờ, chỉ là một phong trào địa phương, phụ thuộc vào sự mất còn của người thủ lĩnh. Sự hạn chế đó của Bơ Trang Lơng và của phong trào chống Pháp do ông lãnh đạo có nguyên nhân từ các điều kiện lịch sử của dân tộc ông thời kỳ đó. Trong các nguyên nhân đó, có ý nghĩa chi phối nhất là nền kinh tế còn lạc hậu, mang nhiều tính chất tự nhiên, bó hẹp trong phạm vi từng làng, dựa trên cơ sở một trình độ phát triển xã hội còn ở buổi đầu, mang nặng tàn dư của chế độ công xã láng giềng sơ kỳ, với những làng độc lập, tự quản và khép kín. Chính các hạn chế đó là nguyên nhân chủ yếu khiến Phong trào Bơ Trang Lơng cuối cùng chịu thất bại.

Cũng cần nói thêm rằng, trong những điều kiện lịch sử đó, tất nhiên chúng ta không thể đòi hỏi ở Bơ Trang Lơng một vai

trò có khả năng đề ra một đường lối cách mạng đúng đắn hơn, phù hợp hơn với điều kiện và yêu cầu lịch sử mới. Một vai trò như vậy chỉ có thể có được khi một xã hội như xã hội ông đã chuyển sang một hình thái kinh tế - xã hội cao hơn.

Cho đến nay, ngót 60 năm đã qua kể từ khi Phong trào Bơ Trang Lơng kết thúc. Thời gian tuy nhiên không hề làm giảm ý nghĩa thực tiễn của cuộc đấu tranh đó. Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam, truyền thống của Phong trào Bơ Trang Lơng đã được đồng bào Mnông và đồng bào các dân tộc miền Trường Sơn - Tây Nguyên nước ta phát huy mạnh mẽ trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Từ sau năm 1975, ngọn lửa của truyền thống Bơ Trang Lơng vẫn không ngừng rực cháy trong sự nghiệp xây dựng lại đất nước và trong cuộc đấu tranh chống tập đoàn tội phạm FULRO, tay sai của nước ngoài, để bảo vệ an ninh trên quê hương dân tộc, đồng thời cũng là để góp phần bảo vệ và phát triển cuộc sống lành yên của Đất nước.

(\*) Bài này được rút ra từ nhiều phần trong tập bản thảo cùng tên lưu trữ tại *Tiểu ban Nghiên cứu lịch sử Đảng*, Tỉnh ủy Đak-Lăk do một nhóm nghiên cứu và biên soạn (gồm: Nguyễn Hữu Thấu - Chủ biên, Trần Duy Ca, Ama Kim và Chu Thái Sơn) nay chúng tôi trích lược thành một bài nghiên cứu ngắn vừa để giới thiệu với độc giả, vừa để cải chính và bổ sung tư liệu mới cho một bài viết trên Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử* cách đây 30 năm (N.H.T và đồng tác giả).

- (1). Xem: Nguyễn Hữu Thấu, *Phong trào N'trang Lơng*, TC. NCLS số 69, 1964.
- (2). Khái niệm "Sơn nguyên Nam Đông Dương" được dùng ở đây để gọi chung vùng Trường Sơn - Tây Nguyên nước ta và các vùng núi và cao nguyên tiếp cận thuộc Hạ Lào và Đông Campuchia.
- (3). I. Sabatier, trong *Dossier 95*, và Lechenne, trong *Les Mois du Centre Indochinois*, RI, 9-10, 1924: P'Trang Lơng; Galtier, trong *Rapport Galtier* cũng vậy; - H.Maitre, trong *Rapport Maitre*: Pa Trang Leung; - *Le Populaire d' Indochine*, N<sup>o</sup> 385. 24-5-1935: Ba Trang Luong; Gerber, Y. Clayes, Baudrit, Nyo, Huard: Pu Trang Lung. Trong *Lịch sử Campuchia*, H., 1982, tập thể tác giả và Phạm Việt Trung chép là Pu Trang Luông.

- (4). Nguyễn Hữu Thấu. TLdd.
- (5). X. Nyo, Baudrit và Bourotte. Tlidd. Về vụ lính Met hãm hiếp vợ và con của Bơ Trang Lơng, x. Gerber, H. *A la recherche de la tombe de H. Maitre et de ses miliciens*. IHI, số 129, 18-3-1943.
- (6). Hai cụ đều là người Mnông ở xã Quảng Đức huyện Đắc Nông (tỉnh Đak Lăk)
- (7). *Dossier 95, Délégation de Banmethuot*, 1914: Lào, Rđhong; - Lechesne. Tlidd: Stiêng; - Nguyễn Hữu Thấu, Tlidd: Mnông; Biêl-Bunr.
- (8). Qua Ka Bik, (một cán bộ người Mnông - Campuchia đã dành nhiều quan tâm đến thân thể và sự nghiệp của Bơ Trang Lơng mà chúng tôi đã tiếp xúc trong mùa diên dã 1982, 1983), chỉ mới biết được rằng hai thân sinh của Lơng là ông Lơi và bà Mị, gia đình thuộc lớp dù ăn. Cụ Xbui cũng cho biết Lơng có một người anh tên là Khơng. Số tài liệu bước đầu này ghi lại ở đây để phục vụ cho việc tiếp tục nghiên cứu sau này.
- (9). Henri Mettre sinh năm 1883 tại Thonon (Pháp), sang Đông Dương đầu năm 1905, được cử đi khảo sát nhiều lần ở cao nguyên Đak Lăk. Rồi với chức Tham biện hành chính cấp II, y trở lại vùng Thượng với nhiệm vụ chính là tạo cơ sở cho nền đô hộ của thực dân đối với người bản xứ. Y đã cùng bọn thuộc hạ gây nhiều tội ác đẫm máu cho các dân tộc ở Trung và Nam Tây Nguyên, bị nghĩa quân Bơ Trang Lơng đòi mạng năm 1914.
- (10). Cũng để phục vụ cho việc tiếp tục giám định, xác minh thêm tên vợ đầu và tên con đầu của Bơ Trang Lơng với người vợ đầu này, xin ghi lại đây những ý kiến có phần khác của Ka Bik. Theo Ka Bik thì người vợ đầu của Bơ Trang Lơng tên là Xâm, các con ông có tên và thứ tự sinh ra như sau: Trang (gái), Bjang (gái), Kang (trai) và Phang (gái).
- (11). Quan ba Maya (Maillard), đại lý hạt Đak Đăm thời kỳ 1932-1933 cho biết (X. bản báo cáo của y do Bôdrit trích dẫn trong bài báo *Une visite au tombeau...*, BSEI, T. XVI, N<sup>o</sup>1, 1941) rằng vào thời kỳ này, Bơ Trang Lơng đang là "đầu làng làng Bu K'Dong trong lưu vực Đak Rđlâm". Ka Bik cũng cung cấp một thông tin tương tự. Song chưa rõ Bu K'Dong này với Bu Rđlâm có phải là một không, chỉ biết Bu Rđlâm cũng nằm trong lưu vực Đak Rđlâm.  
Nhân đây, xin lưu ý rằng, lời khai của Rđing với Bôdrit (Tlidd) nói rằng vụ thảm sát vợ và con của Bơ Trang Lơng xảy ra ở Bu Rđlâm là không phù hợp với thực tế. Rất có thể vì vụ đó xảy ra ở một nơi xa với nơi ở của Rđing, nên ông không nắm được. Hơn nữa, khi ba năm sau vụ đó, hai ông trở

- thành bạn chiến đấu của nhau thì ông thấy Bơ Trang Lóng đang ở Bu Rôlâm. Nhưng cũng có thể là do bị Bôdrit hỏi vặn, nên Rđing nói cho qua chuyện, như còn thấy ở nhiều điều khác trong lời khai.
- (12). Nhưng cũng có tin, theo Ka Bik, rằng Phong không phải là con riêng của bà Pang mà là con chung của hai ông bà, bà Pang còn sinh với ông được một con gái thứ hai, tên là Pông.
- (13). *Délégation de Banmêthuôt. Dossier 95*, Thư số 268 ngày 16-8-1914, Tlđđ. Chú ý: Từ đầu thế kỷ, Bản Đôn không còn là ly sở hành chính của Pháp ở Đak Lăk nữa, nhưng vẫn là một trung tâm ảnh hưởng lớn của Pháp, thuộc đại lý Ban Mê Thuột tỉnh Mọi Kon Tum.
- (14). X. *Délégation de Banmêthuôt. Dossier 95*, Thư số 268 ngày 16-8-1914, Tlđđ.
- (15). Các chi tiết về sức mạnh cơ thể con người của Bơ Trang Lóng nêu trên đây được rút ra và tổng hợp lại từ: 1. Biên bản số 5, Hồ sơ 95, Tlđđ; - 2. Baudrit. *Une visite au tombeau...* Tlđđ; - 3. Nyo. Tlđđ.
- (16). Tài liệu điều tra điền dã 1982, 1983, tại Quảng Đức và Bu Rôlâm.
- (17). Trong các tác giả Pháp nói trên, lên tiếng nói xấu Bơ Trang Lóng nhiều nhất là Bôdrit và Lỗsen.
- (18). Cụ Bơ Ndrok Nung cho biết việc phân chia chiến lợi phẩm đó do các thủ lĩnh có nghĩa quân tham gia trận đánh bàn bạc chung và quyết định. Trong một thông báo khoa học Macxen Ner (Marcel Ner) cũng cho biết làng N'Dru, một làng Mạ ở trung lưu sông Đồng Nai có tham gia trận đánh đồn Bu Mêra (1914) đã được chia 3 khẩu súng.
- (19). Theo hai cụ Xbúi và Bơ Ndrok Nung, từ "ling" tiếng Mnông là từ "lính" tiếng Việt Mnông hóa. Chúng tôi tán thành ý kiến của hai cụ, và cho rằng sự du nhập từ "lính" của tiếng Việt vào tiếng Mnông xảy ra nhiều nhất trong thời kỳ cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, từ khi Pháp lập đồn Bản Đôn, và nhất là từ khi Pháp lập "Phái đoàn khảo sát - hành chính Đông Cao - Miên với lực lượng vũ trang được dùng chủ yếu là lính khổ xanh Trung Kỳ".
- (20). Theo Baudrit, BSEI, T.XI, No3, 1936, Bơ Trang Lóng mất tháng 6-1936 là không phù hợp với tin của tờ *Le Populaire d'Indochine*, số 385, ngày 24-5-1935.
- (21). Theo Ka Bik đã giới thiệu ở trên thì không phải là làng Bu Rtung mà chính là làng Bu Par.
- (22). Chi tiết hơn, X. Baudrit, BSEI, T.XI, No3, 1936.
- Riêng về "người Mọi" mà Bôdrit nói là người dẫn đường cho Lơ Bel và Bexret đến bắt Bơ Trang Lóng, nhưng không cho biết tên là gì, thì các nguồn tin dân gian, trong đó có các cụ Bơ Đrok Nung, Xbúi, cả Ka Bik nữa, đều khẳng định đó là Pơ Mpông Phê như đã nói ở trên.
- (23). Phong trào này trong các sách báo của chúng ta thường gọi là Phong trào Săm Bẳm, Phong trào Nước Xu, hoặc Phong trào Nước thần. Ở các dân tộc thì tùy theo vùng mà có tên gọi khác nhau, là Ea yun hay Đak yun (Nước Vía) Đak Đum (Nước đỏ), hay Đak Ya Yeng (Nước Nữ thần),...
- (24). Túc cây gạo của người Việt, tên khoa học *Bombax malaba-ricum* mà các dân tộc miền Sơn nguyên Nam Đông Dương đều coi là một cây thần, một cây dễ sinh trưởng, có thể trồng bằng nhánh, buồn làng nào cũng thấy mọc nhiều.
- (25). Trích bài "Cách mạng dân tộc Thổ, 200 người bị bắt" đăng trong *Tạp chí Bonsévich*, số 10, tháng 2-1933. Tài liệu do Mạc Đường cung cấp. Khái niệm "Đồng Nai Thượng" nói trong bài này, chúng tôi hiểu không phải là tỉnh Đồng Nai Thượng, vì cho đến hồi này không thấy tỉnh này có phong trào chống Pháp được lịch sử ghi nhận. Chúng tôi nghĩ rằng khái niệm "dân tộc ở Đồng Nai Thượng" dùng trong bài báo là để chỉ những người Mnông, Xtiêng và Mạ sống trong lưu vực sông Đồng Nai Thượng (tức Đạ Đàng) từ năm 1931 trở đi, như đã biết, đã bị bọn cầm quyền chớp bu ở Đông Dương ghi là những đối tượng phải đàn áp trong âm mưu chính thức xâm lược Cao nguyên Mnông của chúng.
- (26). X. *Le populaire d'Indochine*, số 385, ngày 24-5-1935.
- (27). Nyo. Tlđđ.
- (28). X. Huard. *Croyances des Mnongs du Plateau Central Indochinois*. BIIEH, T. II, No1, 1939.
- (29). X. Baudrit. *Une visite au tombeau...* Tlđđ.
- (30). X. Bourotte. *Essai d'histoire des Populations...* Tlđđ. Theo tác giả thì vì cuộc chiến tranh Pháp - Đức đã bùng nổ, để thắng Pháp, Đức có thể đã tung gián điệp thông qua con đường Băng Cốc vào miền Sơn nguyên Nam Đông Dương để xúi giục nổi loạn, phá hoại Pháp, làm mất ổn định một hậu phương chiến lược quan trọng của Pháp.
- (31). X. Diễn văn của Đocu đọc tại lễ khánh thành đài kỷ niệm Hăngri Met tại Ngã ba Biên giới (cũ) năm 1943, công bố trong IHI, số 128, ngày 11-2-1943.
- (32). Theo nhà sử học Trần Huy Liệu. X. Diễn văn học trong Lễ kỷ niệm 50 năm trận chiến thắng Bu Nor - Bu Mêra tổ chức tại Hà Nội ngày 1-12-1964. Tài liệu lưu trữ ở Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng tỉnh Đak Lăk.